

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 10 tháng 01 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Châu Hùng và ông Lê Thanh Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Khang, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 156/2023/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2023/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. **Trần Gia N (T)**, sinh năm 1984; tại **huyện C, tỉnh An Giang**, nơi cư trú: **tổ H, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Gạt P**, sinh năm 1950 và bà **Phan Thị Thanh T1**, sinh năm 1953; có vợ **Phạm Thị Ngọc M** (đã ly hôn); có 01 người con tên Trần Thị Ngọc Ý, sinh năm 2007; anh chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất.

Nhân thân: Ngày 21/10/2011, **Công an thành phố C**, tỉnh An Giang lập hồ sơ đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh An Giang, thời hạn 02 năm, đến ngày 28/8/2013 chấp hành xong; ngày 24/8/2017, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 18 tháng, đến ngày 30/11/2018 chấp hành xong.

Tiền án: Ngày 29/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang kết án 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 03/5/2021, chấp hành xong; ngày 05/01/2023, Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang

kết án 09 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 04/4/2023 chấp hành xong.

Tiền sự: Ngày 12/02/2022, Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C, tỉnh An Giang, Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại xã, phường, về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, thời hạn 03 tháng, đến ngày 12/5/2022 chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 cho đến nay.

2. **Mã Thiên T2**, sinh năm 1992; tại huyện A, tỉnh An Giang, nơi cư trú: tổ F, khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Thiên T3, sinh năm 1971 và bà Phan Thị Kim T4, sinh năm 1968; có vợ Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1992 (đã ly hôn); có 01 người con tên Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 2017; anh chị em ruột có 02 người, bị cáo là người thứ hai.

Nhân thân: Ngày 29/9/2011, Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang kết án 02 năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đến ngày 30/3/2013, chấp hành xong.

Tiền án: Ngày 18/3/2021, Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang kết án 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đến ngày 19/4/2022, chấp hành xong.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2023 cho đến nay.

Bị hại: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1991; nơi cư trú: tổ A, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phan Thị Kim T4, sinh năm 1968; nơi cư trú: khóm A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang;

- Bà Nguyễn Thị Phương T5, sinh năm 1979; nơi cư trú: tổ A, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Thành L1, sinh năm 1980, vắng mặt;

- Ông Cao Văn H1, sinh năm 1975, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền mua ma túy sử dụng, khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/9/2023, Như rủ T2 đi tìm tài sản lấy trộm. T2 điều khiển xe mô tô chở Như đến đoạn đường thuộc Kênh G, xã V, phát hiện sân nhà của ông L có nuôi nhốt nhiều gà trống, không người trông giữ, T2 dừng xe để Như đi vào sân bắt lấy 01 con gà trống, bị L phát hiện, tri hô cùng mọi người bắt giữ Như, T2 giao cơ quan Công an.

Vật chứng thu giữ: 01 con gà trống, lông màu vàng, trọng lượng 2,7kg; 01 giấy mua bán xe mô tô biển số 67AD-016.99; 01 xe mô tô nhãn hiệu KWASHAKI, màu đỏ, biển số 67AD-016.99; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy tên Nguyễn Thị Phương T5; 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài, màu xanh, bông trắng; 01 quần Jean dài, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo thun cổ tròn màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài màu trắng; 01 quần Jean dài màu xanh đen.

Căn cứ kết luận định giá tài sản, ghi nhận: 01 con gà trống, lông màu vàng, trọng lượng 2,7kg, trị giá 378.000 đồng.

Ngày 18/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố C khởi tố, tạm giam Như và T2.

Tại Cáo trạng số 153/CT-VKSCĐ-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, Truy tố các bị cáo Trần Gia N, Mã Thiện T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

- Các bị cáo Trần Gia N, Mã Thiện T2 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra có lời khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng đồng phạm giản đơn; nhưng cần phân hóa vai trò, trách nhiệm, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; tài sản các bị cáo lấy trộm có giá trị 378.000 đồng được phát hiện thu hồi trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo:

Trần Gia N từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù;

Mã Thiện T2 từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù;

Về hình phạt bổ sung, do các bị cáo không có nghề nghiệp nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bà **Phan Thị Kim T4** 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu KWASHAKI, màu đỏ, biển số 67AD-016.99; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy tên **Nguyễn Thị Phương T5**.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài, màu xanh, bông trắng; 01 quần Jean dài, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo thun cổ tròn màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài màu trắng; 01 quần Jean dài màu xanh đen.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên; trong lời nói sau cùng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị

cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại gì đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo **Trần Gia N**, **Mã Thiện T2** đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ thực hiện và hậu quả do hành vi gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy để sử dụng, khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 17/9/2023, bị cáo **N** rủ bị cáo **T2** đi tìm tài sản lấy trộm. **T2** điều khiển xe mô tô biển số 67AD-016.99 chở Như trên đoạn đường thuộc **Kênh G, tổ A, ấp M, xã V, thành phố C**, phát hiện nhà của ông **L** có nuôi nhốt nhiều gà trống, không người trông giữ, **T2** dừng xe, Như đi vào sân bắt lấy trộm 01 con gà trống, lông màu vàng, trọng lượng 2,7kg, bị **L** phát hiện, tri hô cùng mọi người bắt giữ Như, **T2** giao Công an.

Theo kết luận định giá tài sản số 730/KL-ĐG ngày 18/9/2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thành phố C**, xác định tài sản các bị cáo lấy trộm trị giá 378.000 đồng. Tuy giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó, các bị cáo đã bị kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong hình phạt nhưng đến nay chưa hết thời hạn xóa án tích. Do đó, với hành vi chiếm đoạt tài sản mà các bị cáo thực hiện đã thỏa mãn dấu hiệu khách quan của tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm tại

phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền cơ bản của mỗi công dân được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo đang ở tuổi lao động, đáng lẽ, phải cố gắng lao động để tạo lập tài sản chính đáng cho bản thân nhưng các bị cáo lại nghiện ma túy và khi muốn có tiền tiêu xài, thỏa mãn cơn nghiện, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, các bị cáo có nhân thân không tốt nhiều lần bị kết án và bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa cai nghiện bắt buộc. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về vai trò đồng phạm: Trong vụ án này, các bị cáo cùng thực hiện hành vi nên phát sinh vai trò đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, nhưng có sự phân hóa vai trò, trách nhiệm, để cá thể hóa hình phạt đối với từng bị cáo. Cụ thể, bị cáo **N** là người chủ động rủ rê trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm, bị cáo **T2** với vai trò giúp sức, cảnh giới, nên mức hình phạt của bị cáo **N** là phải cao hơn bị cáo **T2**.

[4] Xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo thuộc thành phần lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; tài sản các bị cáo lấy trộm có giá trị 378.000 đồng được phát hiện thu hồi trả lại cho bị hại nên gây thiệt hại không lớn được quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên HĐXX có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với tài sản do các bị cáo lấy trộm đã trao trả cho bị hại nên không đề cập.

- Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu KWASHAKI, màu đỏ, biển số 67AD-016.99; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy tên **Nguyễn Thị Phương T5**,

Bà T4 là chủ sở hữu xe mô tô việc bị cáo T2 mượn dùng làm phương tiện đi lấy trộm tài sản bà T4 không biết. Xét, trả lại cho bà Phan Thị Kim T4.

- Đối với 01 mũ bảo hiểm màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài, màu xanh, bông trắng; 01 quần Jean dài, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo thun cổ tròn màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài màu trắng; 01 quần Jean dài màu xanh đen, liên quan đến tội phạm và không còn giá trị sử dụng. Xét, tịch thu tiêu hủy.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Phước L đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Gia N, Mã Thiện T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Gia N 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 18/9/2023 (ngày mười tám, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

Xử phạt bị cáo Mã Thiện T2 01 (một) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 18/9/2023 (ngày mười tám, tháng chín, năm hai nghìn không trăm hai mươi ba).

Căn cứ vào Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 áo sơ mi tay dài màu xanh, có hoa văn màu trắng; 01 cái quần jean dài, màu xám; 01 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo thun cổ tròn màu trắng; 01 áo sơ mi tay dài màu trắng; 01 quần Jean dài màu xanh đen; 01 mũ bảo hiểm màu trắng (tất cả đã qua sử dụng);

- Giao trả cho bà Phan Thị Kim T4 01 xe mô tô nhãn hiệu KWASHAKI màu đỏ, biển số 67AD-016.99, số máy FMB 00130434, số khung 1PKDH010434; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011455, tên chủ xe Nguyễn Thị

Phương T5, địa chỉ: tổ A, xóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, đối với xe gắn máy biển số 67AD-016.99.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố C với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Trần Gia N, Mã Thiện T2, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo Trần Gia N, Mã Thiện T2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phan Thị Kim T4 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại Nguyễn Phước L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Phương T5 vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1);
- Viện KSND thành phố (2);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Chân

- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).